

**CÔNG ƯỚC VỀ THẨM QUYỀN, PHÁP LUẬT ÁP DỤNG, CÔNG NHẬN, THI HÀNH
VÀ HỢP TÁC VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHA MẸ VÀ
CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ TRẺ EM
(Ký ngày 19 tháng 10 năm 1996)**

Các Quốc gia ký kết Công ước này,

Nhận thấy cần tăng cường bảo vệ trẻ em trong bối cảnh quốc tế,

Mong muốn tránh xung đột giữa các hệ thống pháp luật về vấn đề thẩm quyền, pháp luật áp dụng, công nhận và thi hành các biện pháp bảo vệ trẻ em,

Nhắc lại tầm quan trọng của việc hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ trẻ em,

Xác nhận rằng lợi ích tốt nhất của trẻ em là vấn đề cần được xem xét trước tiên,

Lưu ý rằng Công ước ngày 5 tháng 10 năm 1961 về thẩm quyền và pháp luật áp dụng đối với việc bảo vệ người chưa thành niên cần được sửa đổi,

Mong muốn xây dựng quy định chung liên quan đến nội dung này, cân nhắc đến Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em ngày 20 tháng 11 năm 1989,

Đã đồng ý với những quy định dưới đây -

CHƯƠNG I – PHẠM VI CÔNG ƯỚC

Điều 1

(1) Mục tiêu của Công ước này là

- a) xác định Quốc gia có thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ bản thân hoặc tài sản của trẻ em;
- b) xác định pháp luật được cơ quan có thẩm quyền áp dụng khi thực hiện thẩm quyền của mình;
- c) xác định pháp luật áp dụng đối với trách nhiệm của cha mẹ;
- d) quy định về công nhận và thi hành các biện pháp bảo vệ tại tất cả các Quốc gia ký kết;
- e) thiết lập sự hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia ký kết trong trường hợp cần thiết để đạt được mục đích của Công ước.

(2) Vì mục đích của Công ước này, thuật ngữ “trách nhiệm của cha mẹ” bao gồm quyền của cha mẹ, hoặc quan hệ tương tự xác lập các quyền, quyền hạn và trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật liên quan đến bản thân hoặc tài sản của trẻ em

Điều 2

Công ước áp dụng đối với trẻ em từ khi sinh ra cho đến 18 tuổi.

Điều 3

Các biện pháp được nêu tại Điều 1 có thể giải quyết việc

- a) xác lập, thực hiện, chấm dứt hoặc hạn chế trách nhiệm của cha mẹ cũng như việc ủy quyền thực hiện trách nhiệm của cha mẹ;
- b) quyền nuôi dưỡng, bao gồm quyền chăm sóc bản thân trẻ em và, cụ thể là quyền quyết định nơi cư trú của trẻ em, cũng như quyền thăm nom bao gồm quyền đưa trẻ em đến một nơi khác nơi thường trú của trẻ em trong một khoảng thời gian nhất định;

- c) quyền giám hộ, trợ tá và các quan hệ tương tự;
- d) việc chỉ định và chức năng của bất kỳ người hoặc cơ quan nào có trách nhiệm quản lý bản thân hoặc tài sản của trẻ em, đại diện hoặc hỗ trợ trẻ em;
- e) giao trẻ cho gia đình nhận chăm sóc hoặc cơ sở nuôi dưỡng, hoặc chăm sóc trẻ em theo hình thức kafala¹ hoặc tương tự;
- f) việc giám sát của cơ quan có thẩm quyền đối với việc chăm sóc trẻ em của người có trách nhiệm đối với trẻ em;
- g) quản lý, bảo quản hoặc định đoạt tài sản của trẻ em.

Điều 4

Công ước không áp dụng đối với

- a) việc xác lập hoặc phản đối quan hệ cha mẹ - con;
- b) quyết định nhận con nuôi, các biện pháp chuẩn bị nhận con nuôi, hoặc hủy bỏ việc nuôi con nuôi;
- c) họ tên của trẻ em;
- d) sự trưởng thành trước tuổi của trẻ em (emancipation);
- e) nghĩa vụ cấp dưỡng;
- f) tín thác hoặc thừa kế;
- g) an sinh xã hội;
- h) các biện pháp công cộng về giáo dục hoặc sức khỏe;
- i) các biện pháp được ban hành khi trẻ em phạm tội hình sự;
- j) quyết định về quyền được tị nạn hoặc nhập cư.

CHƯƠNG II – THẨM QUYỀN

Điều 5

- (1) Cơ quan tư pháp hoặc hành chính của Quốc gia ký kết nơi trẻ em thường trú có thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ bản thân và tài sản của trẻ em.
- (2) Phụ thuộc vào Điều 7, trường hợp có thay đổi nơi thường trú của trẻ em tới một Quốc gia ký kết khác, cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia là nơi thường trú mới của trẻ em có thẩm quyền này.

Điều 6

- (1) Đối với trẻ em tị nạn và trẻ em do tình hình rối loạn tại Quốc gia mình phải di chuyển đến Quốc gia khác, các cơ quan của Quốc gia ký kết nơi trẻ em hiện diện có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5.
- (2) Quy định tại khoản trên cũng được áp dụng đối với trẻ em không xác định được nơi thường trú.

Điều 7

¹ Kafala: Mặc dù quy định của các nước có sự khác biệt nhưng kafala tại các quốc gia Hồi giáo là một hình thức chăm sóc trẻ em khi cha mẹ không thể chăm sóc trẻ. Theo chế độ này, gia đình mới - thường là họ hàng sẽ nhận nuôi trẻ nhưng quan hệ pháp lý với cha mẹ đẻ không bị cắt đứt, trẻ được nhận chăm sóc không trở thành con nuôi hay thành viên trong gia đình mới.

(1) Trường hợp đưa đi hoặc giữ lại trẻ em trái phép, các cơ quan của Quốc gia ký kết nơi trẻ em đã thường trú ngay trước khi bị đưa đi hoặc bị giữ lại vẫn giữ nguyên thẩm quyền cho đến khi trẻ em đã có nơi thường trú tại một Quốc gia khác, và

a) mỗi cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan có quyền nuôi dưỡng đã chấp thuận việc đưa đi hoặc giữ lại đó; hoặc

b) trẻ em đã cư trú ở Quốc gia khác đó trong khoảng thời gian ít nhất một năm sau khi cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan có quyền nuôi dưỡng biết hoặc phải biết nơi ở của trẻ em, không có yêu cầu trả lại trẻ được đưa ra trong khoảng thời gian đó, và trẻ em đã ổn định cuộc sống trong môi trường mới.

(2) Việc đưa đi hoặc giữ lại trẻ em được xác định là trái phép khi-

a) việc đưa đi hoặc giữ lại vi phạm quyền nuôi dưỡng của cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan, cho dù là kết hợp hay riêng rẽ, theo quy định của pháp luật Quốc gia nơi trẻ em đã thường trú ngay trước khi bị đưa đi hoặc giữ lại; và

b) tại thời điểm đưa đi hoặc giữ lại, các quyền đó đã thực sự được thực hiện, cho dù là kết hợp hay riêng rẽ, hoặc lẽ ra đã được thực hiện nếu không có việc đưa đi hoặc giữ lại trẻ em.

Quyền nuôi dưỡng được nêu tại điểm a ở trên, có thể phát sinh do việc thực hiện quy định của pháp luật hoặc do quyết định tư pháp hoặc hành chính, hoặc do thỏa thuận có hiệu lực pháp luật theo pháp luật của Quốc gia đó.

(3) Trong chừng mực mà các cơ quan được quy định tại khoản 1 vẫn có thẩm quyền, các cơ quan của Quốc gia ký kết nơi trẻ em được chuyển đến hoặc bị giữ lại chỉ có thể thực hiện các biện pháp khẩn cấp theo quy định tại Điều 11 nếu cần thiết để bảo vệ bản thân hoặc tài sản của trẻ em.

Điều 8

(1) Trường hợp ngoại lệ, cơ quan của Quốc gia ký kết có thẩm quyền theo Điều 5 hoặc 6, nếu cơ quan đó nhận thấy trong trường hợp cụ thể, cơ quan của quốc gia ký kết khác có vị trí thuận lợi hơn để đánh giá lợi ích tốt nhất của trẻ em, có thể

- Yêu cầu cơ quan khác nêu trên, một cách trực tiếp hoặc nhờ sự giúp đỡ của Cơ quan Trung ương của Quốc gia đó, tiếp nhận thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em mà cơ quan đó thấy cần thiết, hoặc

- Đình chỉ xem xét vụ việc và đề nghị các bên yêu cầu cơ quan của Quốc gia ký kết khác đó giải quyết.

(2) Các Quốc gia ký kết có các cơ quan được xác định theo quy định của khoản trên bao gồm

a) Quốc gia mà trẻ em là công dân,

b) Quốc gia nơi có tài sản của trẻ em,

c) Quốc gia nơi có các cơ quan thụ lý yêu cầu ly hôn hoặc ly thân của cha mẹ trẻ em, hoặc yêu cầu hủy bỏ hôn nhân của cha mẹ trẻ em,

d) Quốc gia mà trẻ em có mối liên hệ gắn bó.

(3) Các cơ quan liên quan có thể tiến hành trao đổi ý kiến.

(4) Cơ quan được xác định theo quy định tại khoản 1 có thể tiếp nhận thẩm quyền, thay cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 hoặc 6, nếu cơ quan đó thấy điều này vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Điều 9

(1) Nếu cơ quan của một Quốc gia ký kết được nêu tại Điều 8, khoản 2, nhận thấy cơ quan đó có vị trí thuận lợi hơn trong một vụ việc cụ thể để đánh giá lợi ích tốt nhất của trẻ em, cơ quan đó có thể

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia ký kết nơi trẻ thường trú, một cách trực tiếp hoặc thông qua sự giúp đỡ của Cơ quan Trung ương của Quốc gia đó, rằng cơ quan này được trao thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ mà cơ quan đó thấy cần thiết, hoặc

- Đề nghị các bên để đưa ra yêu cầu như trên trước cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia ký kết nơi thường trú của trẻ em.

(2) Các cơ quan có liên quan có thể trao đổi ý kiến.

(3) Cơ quan yêu cầu có thể thực hiện thẩm quyền thay cho cơ quan của Quốc gia ký kết nơi trẻ em thường trú chỉ khi cơ quan của Quốc gia ký kết nơi trẻ em thường trú chấp thuận yêu cầu.

Điều 10

(1) Không ảnh hưởng đến các Điều từ 5 đến 9, các cơ quan của Quốc gia ký kết có thẩm quyền quyết định đối với yêu cầu ly hôn hoặc ly thân của cha mẹ của trẻ em hiện đang thường trú tại Quốc gia ký kết khác, hoặc yêu cầu hủy bỏ hôn nhân giữa họ với nhau, có thể, nếu pháp luật của Quốc gia đó cho phép, thực hiện các biện pháp bảo vệ bản thân hoặc tài sản của trẻ em đó nếu

a) Tại thời điểm bắt đầu các thủ tục đó, cha hoặc mẹ của trẻ em đang thường trú tại Quốc gia đó và cha hoặc mẹ của trẻ em có trách nhiệm của cha mẹ đối với trẻ em, và

b) Thẩm quyền thực hiện các biện pháp nêu trên của các cơ quan đó đã được chấp thuận bởi cha mẹ của trẻ em, cũng như cá nhân khác có trách nhiệm của cha mẹ đối với trẻ em, và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

(2) Thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em được quy định tại khoản 1 sẽ chấm dứt khi quyết định cho phép hoặc từ chối yêu cầu ly hôn, ly thân hoặc hủy bỏ hôn nhân là quyết định cuối cùng, hoặc các thủ tục đó đã kết thúc vì lý do khác.

Điều 11

(1) Trong trường hợp khẩn cấp, các cơ quan của Quốc gia ký kết là nơi hiện đang có trẻ em hoặc tài sản của trẻ em có thẩm quyền ban hành bất kỳ biện pháp bảo vệ nào cần thiết.

(2) Các biện pháp được ban hành theo quy định tại khoản trên liên quan đến một trẻ em thường trú tại một Quốc gia ký kết sẽ hết hiệu lực khi các cơ quan có thẩm quyền theo các Điều từ 5 đến 10 ban hành các biện pháp mà hoàn cảnh đòi hỏi.

(3) Các biện pháp được ban hành theo khoản 1 liên quan đến trẻ em thường trú tại một Quốc gia không phải là thành viên Công ước sẽ hết hiệu lực tại mỗi Quốc gia ký kết khi các biện pháp do hoàn cảnh đòi hỏi và được các cơ quan của một Quốc gia khác ban hành đã được công nhận tại Quốc gia ký kết liên quan.

Điều 12

(1) Phụ thuộc vào Điều 7, các cơ quan của Quốc gia ký kết nơi có trẻ em hoặc tài sản của trẻ em có thẩm quyền ban hành các biện pháp tạm thời để bảo vệ bản thân hoặc tài sản của trẻ em, các biện pháp này chỉ có hiệu lực trong phạm vi lãnh thổ của Quốc gia liên quan, với điều kiện các biện pháp đó không trái với các biện pháp đã được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền theo các Điều từ 5 đến 10.

(2) Các biện pháp được ban hành theo quy định tại khoản trên đối với một trẻ em thường trú tại một Quốc gia ký kết sẽ hết hiệu lực khi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Điều từ 5 đến 10 quyết định các biện pháp bảo vệ mà hoàn cảnh đòi hỏi.

(3) Các biện pháp bảo vệ được ban hành theo khoản 1 đối với một trẻ em thường trú tại một Quốc gia không phải là Quốc gia ký kết hết hiệu lực tại Quốc gia ký kết nơi các biện pháp bảo vệ được ban hành khi các biện pháp mà hoàn cảnh đòi hỏi được các cơ quan của một Quốc gia khác ban hành đã được công nhận tại Quốc gia ký kết liên quan.

Điều 13

(1) Các cơ quan của một Quốc gia ký kết có thẩm quyền ban hành các biện pháp bảo vệ bản thân và tài sản của trẻ em theo quy định tại các Điều từ 5 đến 10 phải từ chối thực hiện thẩm quyền này nếu, tại thời điểm bắt đầu các thủ tục, yêu cầu về các biện pháp tương ứng đã được gửi đến các cơ quan của một Quốc gia ký kết khác có thẩm quyền theo các Điều từ 5 đến 10 và hiện vẫn đang được xem xét.

(2) Các quy định tại khoản trên không được áp dụng nếu các cơ quan nơi yêu cầu thực hiện các biện pháp được gửi đến ban đầu đã từ chối thẩm quyền.

Điều 14

Các biện pháp được ban hành theo các Điều từ 5 đến 10 có hiệu lực trong thời hạn của các biện pháp đó, thậm chí nếu có sự thay đổi hoàn cảnh làm loại trừ căn cứ xác định thẩm quyền, với điều kiện là các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Công ước không thay đổi, thay thế hoặc chấm dứt các biện pháp đó.

CHƯƠNG III – PHÁP LUẬT ÁP DỤNG

Điều 15

(1) Trong khi thực hiện thẩm quyền theo quy định tại Chương II, các cơ quan của Quốc gia ký kết được áp dụng pháp luật của Quốc gia mình.

(2) Tuy nhiên, trong phạm vi việc bảo vệ bản thân và tài sản của trẻ em đòi hỏi, ngoại lệ là các cơ quan có thể áp dụng hoặc xem xét áp dụng pháp luật của một Quốc gia khác mà hoàn cảnh có liên hệ gắn bó.

(3) Nếu nơi thường trú của trẻ em thay đổi tới một Quốc gia ký kết khác, pháp luật của Quốc gia này điều chỉnh điều kiện áp dụng các biện pháp đã được ban hành tại Quốc gia mà trẻ em thường trú trước đó từ thời điểm thay đổi nơi thường trú.

Điều 16

(1) Việc xác lập hoặc chấm dứt trách nhiệm của cha mẹ theo quy định của pháp luật, mà không có sự can thiệp của cơ quan tư pháp hoặc hành chính, được điều chỉnh bởi pháp luật của Quốc gia nơi trẻ em thường trú.

(2) Việc xác lập hoặc chấm dứt trách nhiệm của cha mẹ theo thỏa thuận hoặc hành vi đơn phương, mà không có sự can thiệp của cơ quan tư pháp hoặc hành chính, được điều chỉnh bởi pháp luật của Quốc gia nơi trẻ em thường trú tại thời điểm thỏa thuận hoặc hành vi đơn phương có hiệu lực.

(3) Trách nhiệm của cha mẹ theo quy định của pháp luật Quốc gia nơi trẻ em thường trú vẫn tiếp tục có hiệu lực sau khi nơi thường trú đó thay đổi đến một quốc gia khác.

(4) Nếu nơi thường trú của trẻ em thay đổi, việc xác lập trách nhiệm của cha mẹ theo quy định pháp luật cho một người chưa có trách nhiệm đó được điều chỉnh bởi pháp luật của Quốc gia nơi thường trú mới.

Điều 17

Việc thực hiện trách nhiệm của cha mẹ được điều chỉnh bởi pháp luật của Quốc gia nơi trẻ em thường trú. Nếu nơi thường trú của trẻ em thay đổi, việc thực hiện trách nhiệm của cha mẹ được điều chỉnh bởi pháp luật của Quốc gia nơi thường trú mới của trẻ em.

Điều 18

Trách nhiệm của cha mẹ theo quy định tại Điều 16 có thể bị chấm dứt, hoặc điều kiện thực hiện trách nhiệm đó được sửa đổi, bằng các biện pháp ban hành theo quy định của Công ước này.

Điều 19

(1) Hiệu lực của một giao dịch giữa một bên thứ ba và một người được coi là người đại diện hợp pháp của trẻ em theo pháp luật Quốc gia nơi giao dịch được ký kết không thể bị phản đối, và bên thứ ba không chịu trách nhiệm, chỉ với lý do rằng người đó không được làm người đại diện hợp pháp của trẻ em theo pháp luật được dẫn chiếu theo quy định của Chương này, trừ khi bên thứ ba đã biết hoặc phải biết rằng trách nhiệm của cha mẹ phải được điều chỉnh bởi pháp luật được dẫn chiếu theo quy định của Chương này.

(2) Khoản trên được áp dụng chỉ trong trường hợp những người tham gia giao dịch hiện diện trong lãnh thổ của cùng một Quốc gia.

Điều 20

Các quy định của Chương này được áp dụng thậm chí nếu pháp luật do các quy định này dẫn chiếu đến là pháp luật của một Quốc gia không phải là Quốc gia ký kết.

Điều 21

(1) Trong Chương này, thuật ngữ “pháp luật” có nghĩa là pháp luật hiện đang có hiệu lực tại một Quốc gia mà không phải là quy định về lựa chọn pháp luật áp dụng của Quốc gia đó.

(2) Tuy nhiên, nếu pháp luật áp dụng theo Điều 16 là pháp luật của một Quốc gia không phải là Quốc gia ký kết và nếu quy định về lựa chọn pháp luật áp dụng của Quốc gia đó dẫn chiếu đến pháp luật của một Quốc gia khác cũng không phải là Quốc gia ký kết và quốc gia khác này sẽ áp dụng pháp luật của mình, thì pháp luật của Quốc gia sau được áp dụng. Nếu Quốc gia sau không áp dụng pháp luật của chính quốc gia này, pháp luật áp dụng là pháp luật được dẫn chiếu theo Điều 16.

Điều 22

Việc áp dụng pháp luật được dẫn chiếu đến theo quy định của Chương này chỉ bị từ chối trong trường hợp việc áp dụng này sẽ rõ ràng trái với chính sách công, có xem xét đến lợi ích tốt nhất của trẻ em.

CHƯƠNG IV – CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH

Điều 23

(1) Các biện pháp do các cơ quan của một Quốc gia ký kết ban hành được công nhận theo quy định pháp luật (by operation of law) tại tất cả các Quốc gia ký kết Công ước.

(2) Tuy nhiên, việc công nhận có thể bị từ chối

a) nếu biện pháp được ban hành bởi một cơ quan mà thẩm quyền của cơ quan đó không căn cứ vào một trong các cơ sở được quy định tại Chương II;

b) nếu biện pháp được ban hành, trừ trường hợp khẩn cấp, trong bối cảnh thủ tục tư pháp hoặc thủ tục hành chính, mà trẻ em không có cơ hội được trình bày ý kiến, vi phạm nguyên tắc cơ bản về thủ tục của Quốc gia được yêu cầu;

c) theo yêu cầu của bất kỳ người nào khiếu nại rằng biện pháp đó xâm phạm trách nhiệm của cha mẹ thuộc về người đó, nếu biện pháp đó được ban hành, trừ trường hợp khẩn cấp, mà người đó không có cơ hội được trình bày ý kiến;

d) nếu việc công nhận trái với chính sách công của Quốc gia được yêu cầu, có xem xét đến lợi ích tốt nhất của trẻ em;

e) nếu biện pháp không phù hợp với một biện pháp được ban hành sau đó tại một Quốc gia không phải quốc gia ký kết nhưng là nơi thường trú của trẻ em, nếu biện pháp sau đó đáp ứng các điều kiện để được công nhận tại Quốc gia được yêu cầu;

f) nếu không tuân thủ thủ tục quy định tại Điều 33.

Điều 24

Không ảnh hưởng đến Điều 23, khoản 1, bất kỳ người nào liên quan cũng có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia ký kết quyết định công nhận hoặc không công nhận một biện pháp được ban hành tại một Quốc gia ký kết khác. Thủ tục này được điều chỉnh bởi pháp luật của Quốc gia được yêu cầu.

Điều 25

Cơ quan của Quốc gia được yêu cầu bị ràng buộc bởi các tình tiết của vụ việc mà cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi biện pháp được ban hành đã dùng làm căn cứ xác định thẩm quyền.

Điều 26

(1) Nếu biện pháp được ban hành bởi một Quốc gia ký kết, có hiệu lực thi hành tại đó nhưng đòi hỏi phải thi hành tại một Quốc gia ký kết khác, các biện pháp đó, theo yêu cầu của một bên liên quan, sẽ được tuyên bố có hiệu lực thi hành hoặc đăng ký để thi hành tại Quốc gia ký kết khác theo thủ tục do pháp luật của Quốc gia ký kết khác đó quy định.

(2) Mỗi Quốc gia ký kết phải áp dụng thủ tục đơn giản và nhanh chóng đối với việc tuyên bố có hiệu lực thi hành hoặc đăng ký để thi hành.

(3) Việc tuyên bố có hiệu lực thi hành hoặc đăng ký để thi hành chỉ có thể bị từ chối vì một trong các lý do quy định tại Điều 23, khoản 2.

Điều 27

Không ảnh hưởng đến việc xem xét lại nếu cần thiết khi áp dụng các Điều trên, nội dung của biện pháp bảo vệ được ban hành không bị xem xét lại.

Điều 28

Các biện pháp được ban hành tại một Quốc gia ký kết và được tuyên bố có hiệu lực thi hành, hoặc đăng ký để thi hành tại một Quốc gia ký kết khác sẽ được thi hành tại Quốc gia ký kết khác đó như thể các biện pháp đó đã được các cơ quan của Quốc gia đó ban hành. Việc thi hành phải tuân thủ pháp luật của Quốc gia được yêu cầu trong phạm vi được pháp luật Quốc gia đó cho phép, có xem xét đến lợi ích tốt nhất của trẻ em.

CHƯƠNG V – HỢP TÁC

Điều 29

(1) Mỗi Quốc gia ký kết phải chỉ định một Cơ quan Trung ương để thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Công ước.

(2) Các Quốc gia Liên bang, các Quốc gia có nhiều hệ thống pháp luật hoặc các Quốc gia có các đơn vị lãnh thổ tự trị được tự do chỉ định nhiều hơn một Cơ quan Trung ương và phải làm rõ phạm vi lãnh thổ và chủ thể trong chức năng của các Cơ quan Trung ương đó. Trong trường hợp một Quốc gia đã chỉ định nhiều hơn một Cơ quan Trung ương, Quốc gia đó phải chỉ định một Cơ quan Trung ương làm đầu mối liên lạc, trao đổi với các Cơ quan Trung ương còn lại trong Quốc gia đó.

Điều 30

(1) Các Cơ quan Trung ương phải hợp tác với nhau và thúc đẩy hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền khác của Quốc gia mình vì mục đích của Công ước này.

(2) Các Cơ quan Trung ương, phù hợp với việc áp dụng Công ước, phải thực hiện các bước thích hợp để cung cấp thông tin về pháp luật và dịch vụ ở Quốc gia mình liên quan đến việc bảo vệ trẻ em.

Điều 31

Cơ quan Trung ương của một Quốc gia ký kết, trực tiếp hoặc thông qua các cơ quan công quyền hoặc cơ quan khác, thực hiện tất cả các bước thích hợp để -

a) tạo thuận lợi cho việc liên lạc hoặc cung cấp hỗ trợ theo các Điều 8 và 9 và Chương này;

b) tạo thuận lợi, bằng cách hòa giải, trung gian hoặc các cách tương tự khác, đối với các giải pháp đã được đồng ý để bảo vệ bản thân hoặc tài sản của trẻ em trong các trường hợp áp dụng Công ước;

c) hỗ trợ, theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia ký kết khác, tìm kiếm nơi ở của trẻ em trong trường hợp trẻ em có thể đang ở trong lãnh thổ của Quốc gia được yêu cầu và đang cần được bảo vệ.

Điều 32

Theo yêu cầu có lý do của Cơ quan Trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của một Quốc gia ký kết nơi trẻ em có mối liên hệ gắn bó, Cơ quan Trung ương của Quốc gia ký kết nơi trẻ em đang thường trú và hiện diện có thể, trực tiếp hoặc thông qua các cơ quan công quyền hoặc cơ quan khác,

a) cung cấp báo cáo về tình trạng của trẻ em;

b) yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia mình xem xét sự cần thiết phải thực hiện các biện pháp bảo vệ bản thân và tài sản của trẻ em.

Điều 33

(1) Nếu một cơ quan có thẩm quyền theo các Điều từ 5 đến 10 định giao trẻ em vào một gia đình nhận chăm sóc hoặc cơ sở nuôi dưỡng hoặc chăm sóc trẻ bằng hình thức kafala hoặc tương tự, và nếu việc giao hoặc chăm sóc đó được thực hiện tại Quốc gia ký kết khác, cơ quan đó trước hết phải tham vấn ý kiến của Cơ quan Trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Quốc gia ký kết đó. Để lấy ý kiến, cơ quan đó phải chuyển báo cáo về trẻ em cùng với lý do dự định giao chăm sóc.

(2) Quyết định giao chăm sóc chỉ được đưa ra tại Quốc gia yêu cầu trong trường hợp Cơ quan Trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Quốc gia được yêu cầu đã chấp thuận việc giao chăm sóc, có xem xét lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Điều 34

(1) Khi dự định ban hành một biện pháp bảo vệ, các cơ quan có thẩm quyền theo Công ước, nếu hoàn cảnh của trẻ em đòi hỏi, có thể yêu cầu cơ quan của một Quốc gia ký kết khác nơi có thông tin liên quan đến việc bảo vệ trẻ em cung cấp thông tin đó.

(2) Một Quốc gia ký kết có thể tuyên bố rằng các yêu cầu theo khoản 1 chỉ được chuyển đến các cơ quan của mình thông qua Cơ quan Trung ương.

Điều 35

(1) Cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia ký kết có thể yêu cầu các cơ quan của một Quốc gia ký kết khác hỗ trợ thực hiện các biện pháp bảo vệ theo Công ước này, đặc biệt là bảo đảm thực hiện có hiệu quả quyền thăm nom cũng như quyền duy trì liên hệ trực tiếp thường xuyên.

(2) Các cơ quan của một Quốc gia ký kết nơi trẻ em không thường trú có thể thu thập thông tin hoặc chứng cứ và có thể tìm hiểu về sự phù hợp của cha mẹ trong việc thực hiện quyền thăm nom và điều kiện mà quyền thăm nom được thực hiện, theo đề nghị của một bên cha mẹ đang cư trú ở Quốc gia đó là người đang tìm cách có được hoặc duy trì việc thăm nom trẻ. Cơ quan có thẩm quyền theo các Điều từ 5 đến 10 quyết định việc thăm nom trẻ em, phải chấp nhận và xem xét các thông tin, chứng cứ và các vấn đề phát hiện được trước khi ra quyết định.

(3) Cơ quan có thẩm quyền theo các Điều từ 5 đến 10 quyết định việc thăm nom với trẻ em có thể tạm dừng một thủ tục đang tiến hành chờ kết quả một yêu cầu được đưa ra theo khoản 2, đặc biệt, khi cơ quan đó đang xem xét đơn hạn chế hoặc chấm dứt quyền thăm nom đã được Quốc gia nơi trẻ em thường trú trước đó cho phép.

(4) Không quy định nào tại Điều này ngăn cản một cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Điều từ 5 đến 10 thực hiện các biện pháp tạm thời trong khi chờ kết quả theo yêu cầu được đưa ra theo khoản 2.

Điều 36

Trường hợp trẻ em lâm vào tình trạng nguy hiểm nghiêm trọng, cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia ký kết nơi các biện pháp bảo vệ trẻ em được ban hành hoặc đang được xem xét, nếu cơ quan đó được thông báo rằng nơi cư trú của trẻ em đã thay đổi, hoặc trẻ em hiện đang ở một Quốc gia khác, phải thông báo cho cơ quan của Quốc gia kia về sự nguy hiểm và các biện pháp đã được ban hành hoặc đang được xem xét.

Điều 37

Một cơ quan không được yêu cầu hoặc chuyển bất kỳ thông tin nào theo quy định tại Chương này nếu cơ quan đó thấy rằng việc yêu cầu hoặc chuyển thông tin có thể khiến cho bản thân hoặc tài sản của trẻ em gặp nguy hiểm, hoặc tạo ra đe dọa nghiêm trọng tới quyền tự do hoặc cuộc sống của một thành viên trong gia đình trẻ em.

Điều 38

(1) Không ảnh hưởng đến khả năng thu chi phí dịch vụ hợp lý, Cơ quan Trung ương và các cơ quan công quyền khác của các Quốc gia ký kết tự chịu các chi phí liên quan đến việc áp dụng các quy định tại Chương này.

(2) Bất kỳ Quốc gia ký kết nào cũng có thể thỏa thuận với một hoặc nhiều Quốc gia ký kết còn lại về phân bổ chi phí.

Điều 39

Bất kỳ Quốc gia ký kết nào cũng có thể thỏa thuận với một hoặc nhiều Quốc gia ký kết khác để cải thiện việc áp dụng Chương này trong quan hệ giữa các quốc gia đó. Các Quốc gia đã ký kết thỏa thuận như vậy phải gửi bản sao của thỏa thuận tới Cơ quan lưu chiều Công ước.

CHƯƠNG VI – CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 40

(1) Các cơ quan của Quốc gia ký kết nơi trẻ em thường trú, hoặc Quốc gia ký kết nơi biện pháp bảo vệ được ban hành, có thể chuyển cho người có trách nhiệm của cha mẹ hoặc người được giao bảo vệ bản thân và tài sản của trẻ em, theo yêu cầu của người đó, một giấy chứng nhận xác định phạm vi người đó được hành động và quyền hạn của người đó.

(2) Phạm vi và quyền hạn được xác định trong Giấy chứng nhận được coi là đã được giao cho người đó, nếu không có bằng chứng chứng minh điều ngược lại.

(3) Mỗi Quốc gia ký kết phải chỉ định cơ quan có thẩm quyền ban hành giấy chứng nhận.

Điều 41

Dữ liệu cá nhân được thu thập hoặc chuyển giao theo Công ước này chỉ được sử dụng đối với các mục đích mà vì các mục đích đó dữ liệu được thu thập hoặc chuyển giao.

Điều 42

Cơ quan nơi thông tin được chuyển đến phải bảo mật thông tin đó phù hợp với pháp luật Quốc gia mình.

Điều 43

Tất cả các tài liệu được chuyển tiếp hoặc được chuyển giao theo Công ước này được miễn hợp pháp hóa lãnh sự hoặc bất kỳ thủ tục tương tự nào khác.

Điều 44

Mỗi Quốc gia ký kết có thể chỉ định các cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu theo quy định tại các Điều 8, 9 và 33.

Điều 45

(1) Việc chỉ định theo các Điều 29 và 44 phải được thông báo đến Ban Thư ký Hội nghị Lahay về Tư pháp Quốc tế.

(2) Tuyên bố theo Điều 34, khoản 2 phải được chuyển tới cơ quan lưu chiếu Công ước.

Điều 46

Một Quốc gia ký kết có nhiều hệ thống pháp luật hoặc hệ thống quy tắc pháp luật khác nhau áp dụng đối với việc bảo vệ trẻ em và tài sản của trẻ em không bị buộc phải áp dụng các quy định của Công ước với các xung đột chỉ giữa các hệ thống pháp luật hoặc hệ thống quy tắc pháp luật khác nhau đó.

Điều 47

Đối với một Quốc gia có hai hoặc nhiều hệ thống pháp luật hoặc hệ thống quy tắc pháp luật khác nhau liên quan tới bất kỳ vấn đề nào được Công ước điều chỉnh áp dụng ở các đơn vị lãnh thổ khác nhau -

(1) việc dẫn chiếu đến nơi thường trú tại Quốc gia đó được hiểu là dẫn chiếu đến nơi thường trú tại một đơn vị lãnh thổ;

(2) việc dẫn chiếu đến hiện diện của trẻ em tại Quốc gia đó được hiểu là dẫn chiếu đến hiện diện tại một đơn vị lãnh thổ;

(3) việc dẫn chiếu đến nơi có tài sản của trẻ em tại Quốc gia đó được hiểu là dẫn chiếu đến nơi có tài sản của trẻ em tại một đơn vị lãnh thổ;

(4) việc dẫn chiếu đến Quốc gia nơi trẻ em là công dân được hiểu là dẫn chiếu đến đơn vị lãnh thổ theo quy định của pháp luật Quốc gia đó hoặc, nếu không có quy định liên quan, đơn vị lãnh thổ mà trẻ em có mối liên hệ gắn bó nhất;

(5) việc dẫn chiếu đến Quốc gia nơi cơ quan có thẩm quyền thụ lý yêu cầu ly hôn hoặc ly thân của cha mẹ trẻ em, hoặc hủy bỏ hôn nhân của cha mẹ trẻ em, được hiểu là dẫn chiếu đến đơn vị lãnh thổ nơi có cơ quan có thẩm quyền thụ lý yêu cầu đó;

(6) việc dẫn chiếu đến Quốc gia nơi trẻ em có mối liên hệ gắn bó được hiểu là dẫn chiếu đến đơn vị lãnh thổ nơi trẻ em có mối liên hệ đó;

(7) việc dẫn chiếu đến Quốc gia nơi trẻ em đã bị đưa đi hoặc giữ lại được hiểu là dẫn chiếu đến đơn vị lãnh thổ nơi trẻ em đã bị đưa đi hoặc giữ lại;

(8) việc dẫn chiếu đến đơn vị hoặc cơ quan của Quốc gia đó, ngoài các Cơ quan Trung ương, được hiểu là các cơ quan được trao quyền để hoạt động trong đơn vị lãnh thổ có liên quan;

(9) việc dẫn chiếu đến pháp luật hoặc thủ tục hoặc cơ quan của Quốc gia nơi biện pháp bảo vệ được ban hành được hiểu là dẫn chiếu đến pháp luật, thủ tục hoặc cơ quan của đơn vị lãnh thổ nơi biện pháp đó được ban hành;

(10) việc dẫn chiếu đến pháp luật hoặc thủ tục hoặc cơ quan của Quốc gia được yêu cầu được hiểu là dẫn chiếu đến pháp luật, thủ tục hoặc cơ quan của đơn vị lãnh thổ nơi cần công nhận hoặc thi hành.

Điều 48

Vì mục đích xác định pháp luật áp dụng theo Chương III, đối với Quốc gia nơi có hai hoặc nhiều đơn vị lãnh thổ mà mỗi đơn vị lãnh thổ có hệ thống pháp luật hoặc hệ thống quy tắc pháp luật riêng đối với các vấn đề được điều chỉnh bởi Công ước này, các quy tắc sau sẽ được áp dụng -

a) nếu các quy phạm hiện có hiệu lực tại Quốc gia đó xác định rõ pháp luật của đơn vị lãnh thổ nào là pháp luật áp dụng thì áp dụng pháp luật của đơn vị lãnh thổ đó;

b) trong trường hợp không có các quy phạm pháp luật như trên thì áp dụng pháp luật của đơn vị lãnh thổ liên quan được xác định theo Điều 47.

Điều 49

Để xác định pháp luật áp dụng theo quy định tại Chương III, đối với một Quốc gia có hai hoặc nhiều hệ thống pháp luật hoặc hệ thống quy tắc pháp luật áp dụng đối với các nhóm người khác nhau với các các vấn đề được điều chỉnh bởi Công ước, các quy tắc sau sẽ được áp dụng -

a) nếu các quy phạm hiện có hiệu lực tại Quốc gia đó xác định pháp luật nào được áp dụng thì áp dụng pháp luật đó;

b) trong trường hợp không có các quy phạm pháp luật như trên thì áp dụng pháp luật của hệ thống nơi trẻ em có mối liên hệ gắn bó nhất.

Điều 50

Công ước này không ảnh hưởng đến việc áp dụng *Công ước ngày 25/10/1980 về các Khía cạnh dân sự của hành vi bắt cóc trẻ em quốc tế*, giữa Các Bên của cả hai Công ước. Tuy nhiên, không quy định nào ngăn cản Công ước này được viện dẫn vì mục đích trả lại một trẻ em đã bị đưa đi hoặc giữ lại trái phép hoặc để tổ chức thực hiện quyền thăm nom.

Điều 51

Đối với các Quốc gia ký kết, Công ước này thay thế *Công ước ngày 5/10/1961 về quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền và pháp luật áp dụng để bảo vệ người chưa thành niên*, và *Công ước về giám hộ người chưa thành niên*, ký tại La Hay ngày 12/6/1902, không ảnh hưởng đến việc công nhận các biện pháp đã được ban hành theo Công ước ngày 5/10/1961 nêu trên.

Điều 52

(1) Công ước này không ảnh hưởng đến bất kỳ tài liệu quốc tế nào mà một Quốc gia ký kết là một Bên và trong đó chứa đựng các quy định về các vấn đề được Công ước này điều chỉnh, trừ khi Quốc gia ký kết đó có tuyên bố khác đối với văn kiện đó.

(2) Công ước này không ảnh hưởng đến khả năng một hoặc nhiều Quốc gia ký kết ký kết thỏa thuận trong đó có các quy định về các vấn đề được Công ước điều chỉnh liên quan đến việc thường trú của trẻ em tại một Quốc gia ký kết trong thỏa thuận đó.

(3) Các thỏa thuận được ký kết bởi một hoặc nhiều Quốc gia ký kết về các vấn đề thuộc phạm vi của Công ước này không ảnh hưởng đến việc áp dụng các quy định của Công ước này trong mối quan hệ của các Quốc gia đó với các Quốc gia ký kết khác.

(4) Các khoản trên cũng áp dụng để thống nhất pháp luật dựa trên các mối liên hệ đặc biệt có tính chất khu vực hoặc tính chất khác giữa các quốc gia liên quan.

Điều 53

(1) Công ước áp dụng đối với các biện pháp chỉ khi các biện pháp đó được ban hành tại một Quốc gia sau khi Công ước có hiệu lực đối với Quốc gia đó.

(2) Công ước áp dụng đối với việc công nhận và thi hành các biện pháp được ban hành sau khi Công ước có hiệu lực giữa Quốc gia nơi biện pháp được ban hành và Quốc gia được yêu cầu.

Điều 54

(1) Thông tin được chuyển tới Cơ quan Trung ương hoặc cơ quan khác của một Quốc gia ký kết phải là ngôn ngữ gốc, và đính kèm bản dịch sang ngôn ngữ chính thức hoặc một trong số ngôn ngữ chính thức của Quốc gia khác hoặc, trong trường hợp không khả thi, dịch sang tiếng Pháp hoặc tiếng Anh.

(2) Tuy nhiên, một Quốc gia ký kết có thể, bằng cách đưa ra một bảo lưu theo Điều 60, phản đối việc sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp nhưng không được phản đối cả hai ngôn ngữ trên.

Điều 55

(1) Một Quốc gia ký kết có thể, phù hợp với quy định tại Điều 60,

a) bảo lưu thẩm quyền của các cơ quan của mình được ban hành các biện pháp bảo vệ tài sản của trẻ em tại lãnh thổ Quốc gia mình;

b) bảo lưu quyền không công nhận trách nhiệm của cha mẹ hoặc biện pháp không phù hợp với biện pháp đã được cơ quan của mình ban hành liên quan đến tài sản đó.

(2) Việc bảo lưu có thể bị hạn chế đối với một số loại tài sản cụ thể.

Điều 56

Tổng Thư ký của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế định kỳ triệu tập một Ủy ban Đặc biệt để xem xét lại việc thực hiện Công ước trên thực tế.

CHƯƠNG VII – ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 57

(1) Công ước được mở để ký cho các Quốc gia đã là Thành viên của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế tại Phiên ngoại giao thứ 18.

(2) Công ước phải được phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt và văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt phải được nộp cho Bộ Ngoại giao Hà Lan, cơ quan lưu trữ Công ước.

Điều 58

(1) Bất kỳ Quốc gia nào khác có thể gia nhập Công ước sau khi Công ước đã có hiệu lực theo Điều 61, khoản 1.

(2) Văn kiện gia nhập phải được nộp cho cơ quan lưu trữ.

(3) Việc gia nhập chỉ có hiệu lực giữa quốc gia gia nhập và các quốc gia ký kết khác không phản đối việc gia nhập trong vòng 6 tháng sau khi nhận được thông báo theo điểm b Điều 63. Việc phản đối cũng có thể được đề xuất bởi các Quốc gia tại thời điểm các Quốc gia đó phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt Công ước sau khi có việc gia nhập. Bất kỳ phản đối nào cũng phải được thông báo cho cơ quan lưu trữ.

Điều 59

- (1) Nếu một Quốc gia có hai hoặc nhiều đơn vị lãnh thổ có hệ thống pháp luật áp dụng khác nhau liên quan đến các vấn đề được Công ước điều chỉnh, Quốc gia đó tại thời điểm ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập có thể tuyên bố rằng Công ước có giá trị đối với toàn bộ các đơn vị lãnh thổ của mình hoặc chỉ áp dụng đối với một hoặc một số đơn vị lãnh thổ và có thể sửa đổi tuyên bố này bằng cách đưa ra tuyên bố khác tại bất kỳ thời điểm nào.
- (2) Tuyên bố như vậy phải được thông báo tới cơ quan lưu chiếu và phải nêu rõ đơn vị hành chính nào áp dụng Công ước.
- (3) Nếu một Quốc gia không đưa ra tuyên bố theo Điều này, Công ước áp dụng đối với tất cả các đơn vị lãnh thổ của Quốc gia đó.

Điều 60

- (1) Một Quốc gia có thể, không muộn hơn thời điểm phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập, hoặc thời điểm đưa ra tuyên bố theo điều kiện của Điều 59, đưa ra một hoặc tất cả các bảo lưu theo các Điều 54, khoản 2 và Điều 55. Không được đưa ra bảo lưu nào khác.
- (2) Một Quốc gia có thể, tại bất kỳ thời điểm nào, rút lại bảo lưu Quốc gia đó đã đưa ra. Việc rút lại bảo lưu phải được thông báo tới cơ quan lưu chiếu.
- (3) Bảo lưu hết hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng dương lịch thứ 3 sau khi thực hiện thông báo theo khoản trên.

Điều 61

- (1) Công ước có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng ngay sau thời hạn 3 tháng kể từ ngày nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt thứ ba theo Điều 57.
- (2) Công ước theo đó sẽ có hiệu lực -
 - a) đối với Quốc gia phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt Công ước, vào ngày đầu tiên của tháng ngay sau thời hạn 3 tháng kể từ ngày nộp lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, hoặc phê duyệt;
 - b) đối với Quốc gia gia nhập, vào ngày đầu tiên của tháng ngay sau thời hạn 3 tháng tiếp theo thời hạn 6 tháng quy định tại Điều 58, khoản 3;
 - c) đối với đơn vị lãnh thổ nơi Công ước được áp dụng phù hợp với Điều 59, vào ngày đầu tiên của tháng ngay sau thời hạn 3 tháng kể từ ngày thông báo theo Điều 59.

Điều 62

- (1) Một Quốc gia thành viên Công ước có thể bãi ước bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan lưu chiếu. Việc bãi ước có thể chỉ hạn chế đối với một số đơn vị lãnh thổ cụ thể áp dụng Công ước.
- (2) Việc bãi ước có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng ngay sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày cơ quan lưu chiếu nhận được thông báo. Trong trường hợp cần một thời hạn dài hơn để việc bãi ước có hiệu lực được nêu rõ trong thông báo, việc bãi ước sẽ có hiệu lực khi kết thúc thời hạn đó.

Điều 63

- Cơ quan lưu chiếu phải thông báo cho các Quốc gia ký kết của Hội nghị La Hay về Tư pháp Quốc tế và các Quốc gia đã gia nhập Công ước phù hợp với quy định tại Điều 58 về -
- a) việc ký, phê chuẩn, chấp thuận và phê duyệt theo Điều 57;
 - b) việc gia nhập và phản đối việc gia nhập theo Điều 58;
 - c) ngày Công ước có hiệu lực theo Điều 61;
 - d) các tuyên bố theo Điều 34, khoản 2 và Điều 59;

e) các thỏa thuận theo Điều 39;

f) các bảo lưu theo Điều 54, khoản 2 và Điều 55 và rút lại bảo lưu theo Điều 60, khoản 2;

g) việc bãi ước theo Điều 62.

Chúng kiến tại đây, những người ký tên dưới đây, được ủy quyền hợp lệ, đã ký Công ước này.

Lập tại La Hay ngày 19 tháng 10 năm 1996 bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, cả hai văn bản bằng hai ngôn ngữ có giá trị tương đương, được lưu một bản tại lưu trữ của Chính phủ Vương quốc Hà Lan, và bản sao được xác thực của Công ước được gửi theo kênh ngoại giao tới các Quốc gia thành viên của Hội nghị La Hay về Tư pháp Quốc tế vào ngày diễn ra Phiên ngoại giao thứ 18./.